

Bản án số: 42/2025/DS-ST

Ngày 18/4/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Hiền.

Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 358/2024/TLST-DS ngày 09/10/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-DS ngày 12/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-DS ngày 28/3/2025 giữa các đương sự:

NgU đơn: Công ty TNHH S V. Địa chỉ: số 04, đường 3A, Khu công nghiệp B, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH S V: Bà Võ Thị Bích N, sinh năm 1991. Địa chỉ: số 57-59 V, phường V, Quận 3, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ U, sinh năm 1970. Địa chỉ: số 64, Khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh B và ông Nguyễn Tấn C, sinh năm 1966. Địa chỉ: số 39/AB1, ấp A, xã A, huyện B Tri, tỉnh B.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ngU đơn có mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ U và ông Nguyễn Tấn C vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2024, Đơn sửa đổi nội dung khởi kiện đề ngày 05/11/2024, Bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ngU đơn bà Võ Thị Bích N trình bày:

Ngày 01/01/2023 Công ty TNHH S V và ông Nguyễn Tấn C đại diện hộ kinh doanh của ông C, bà Nguyễn Thị Lệ U ký kết Hợp đồng phân phối số

006/HĐPP/AQUA/STO/2023 (gọi tắt là “Hợp đồng”) và Phụ lục Hợp đồng. Theo đó, ông Nguyễn Tấn C, bà Nguyễn Thị Lệ U là nhà phân phối và bán các sản phẩm mà Công ty TNHH S V cung cấp theo danh mục tại phụ lục hợp đồng, thời hạn thực hiện Hợp đồng từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

Công ty TNHH S V đã thực hiện đúng nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Tuy nhiên, ông C, bà U vẫn chưa thanh toán công nợ còn lại cho Công ty. Tính đến nay, số tiền công nợ gốc chưa thanh toán là 3.728.786.431 đồng (Ba tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm ba mươi một đồng). Ông C cũng đã xác nhận số tiền còn nợ Công ty Sitto tại Biên bản đối chiếu & xác nhận công nợ tháng 6/2023. Đến ngày 05/12/2023 giữa Công ty TNHH S V và bà U, ông C thống nhất trong vòng 10 ngày kể từ ngày 05/12/2023 sẽ thống nhất phương án thanh toán. Hợp đồng đã chấm dứt từ ngày 31/12/2023 nhưng bà U, ông C chưa có phương án thanh toán. Từ ngày 11/7/2023, ông C, bà U cũng không tiếp tục nhận và bán sản phẩm của Công ty cũng như không thanh toán số nợ sau khi đã đối chiếu và xác nhận công nợ. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, nay Công ty TNHH S V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba Tri giải quyết vấn đề sau:

1. Buộc ông Nguyễn Tấn C, bà Nguyễn Thị Lệ U thanh toán cho Công ty TNHH S V số tiền công nợ gốc là 3.728.786.431 đồng (Ba tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi sáu ngàn, bốn trăm ba mươi một đồng).

2. Đồng thời, thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán theo Điều 5 của Hợp đồng với lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định tính từ ngày 01/8/2023 đến khi kết thúc vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án do ông Nguyễn Tấn C và bà Nguyễn Thị Lệ U vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: NgU đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nuôi trồng thủy sản xảy ra tại huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Ba Tri thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tấn C và bà Nguyễn Thị Lệ U đều vắng mặt dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập ông C, bà U tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C, bà U vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tấn C và bà Nguyễn Thị Lệ U.

[2] Nội dung vụ án: Công ty TNHH S V (sau đây gọi tắt là Công ty Sitto) khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Tấn C và bà Nguyễn Thị Lệ U có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ trong quá trình làm đại lý phân phối thuốc, vật tư nuôi trồng

thuỷ sản cho Công ty Sitto là 3.728.786.431 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định tính từ ngày 01/8/2023 là thời điểm sau 16 ngày kể từ ngày ông C, bà U trễ hạn thanh toán theo thỏa thuận được ký kết trong hợp đồng cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Về phía bị đơn ông Nguyễn Tấn C và bà Nguyễn Thị Lệ U, tuy suốt quá trình giải quyết vụ án ông C, bà U mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, các thông báo ông C, bà U tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C, bà U vẫn không đến Tòa giải quyết vụ án để chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nhưng phía Công ty Sitto đã chứng minh được ông C, bà U còn nợ số tiền mua thuốc, vật tư nuôi trồng thủy sản là 3.728.786.431 đồng, căn cứ vào Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ vào tháng 6/2023 và Biên bản làm việc V/v thanh toán công nợ đề ngày 05/12/2023 mà phía Công ty Sitto đã cung cấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với chứng cứ mà Công ty Sitto cung cấp được, về phía ông C, bà U trong suốt thời gian giải quyết vụ án đều không đến Tòa tham gia giải quyết coi như đã mặc nhiên thừa nhận và từ bỏ quyền phản bác của mình đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ chứng minh của Công ty Sitto. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ngU đơn Công ty TNHH S V đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn C và bà Nguyễn Thị Lệ U về việc yêu cầu ông C, bà U có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thuốc, vật tư nuôi trồng thủy sản trong thời gian làm đại lý phân phối còn nợ là 3.728.786.431 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu tính lãi của Công ty Sitto thì Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa Công ty Sitto và ông C, bà U thực hiện theo Hợp đồng số 006/HĐPP/AQUA/STO/2023 và Phụ lục hợp đồng kèm theo, trong đó tại Điều 5 của Hợp đồng có thống nhất với nhau về phân lãi suất chậm trả theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tuy trong Hợp đồng không ghi rõ mức lãi suất nhưng có thỏa thuận lãi suất chậm trả được tính theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định, nên việc yêu cầu tính lãi của Công ty Sitto đối với số tiền nợ chưa thanh toán là 3.728.786.431 đồng từ ngày 01/8/2023 là phù hợp.

Từ những nhận định nói trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Sitto đối với ông Nguyễn Tấn C và bà Nguyễn Thị Lệ U. Buộc ông C, bà U có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Sitto số tiền còn nợ trong quá trình làm đại lý phân phối thuốc, vật tư nuôi trồng thủy sản là 3.728.786.431 đồng. Chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty Sitto trên số tiền 3.728.786.431 đồng theo mức lãi suất 20%/năm từ ngày 01/8/2023 cho đến phiên tòa hôm nay ngày 18/4/2025 là 20 tháng 18 ngày và được tính như sau: $3.728.786.431 \text{ đồng} \times 20\% \times 20 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 1.275.095.792 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn C và bà Nguyễn Thị Lệ U có nghĩa vụ liên đới chịu án phí trên số tiền nợ và lãi suất chậm trả mà ông C, bà U phải trả cho Công ty Sitto là 5.003.882.223 được tính như sau: $(112.000.000 \text{ đồng} \times 0,1\% \times 1.003.882.223 \text{ đồng}) = 113.003.882 \text{ đồng}$. Hoàn trả cho ông Công ty Sitto số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 280, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn Công ty TNHH S V đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn C, bà Nguyễn Thị Lệ U về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” (căn cứ vào Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ vào tháng 6/2023 và Biên bản làm việc V/v thanh toán công nợ đề ngày 05/12/2023).

Buộc ông Nguyễn Tấn C, bà Nguyễn Thị Lệ U có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH S V số tiền 5.003.882.223 (*Năm tỷ không trăm lẻ ba triệu tám trăm tám mươi hai nghìn hai trăm hai mươi ba*) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu số tiền trên chưa được thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Tấn C, bà Nguyễn Thị Lệ U phải liên đới chịu số tiền 113.003.882 đồng (*Một trăm mười ba triệu không trăm lẻ ba nghìn tám trăm tám mươi hai*) đồng. Hoàn trả cho Công ty TNHH S V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.118.000 (*Năm mươi sáu triệu một trăm mười tám nghìn*) đồng theo biên lai thu số: 0004667 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[4] Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

[5] Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Tâm

